

UBND XÃ YÊN THÀNH
TRƯỜNG TH NHÂN THÀNH

Phụ lục 1:
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 94/BC- THNT

Yên Thành, ngày 20 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI

Năm học: 2025 - 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG.

- Tên trường** (Theo quyết định mới nhất): **Trường Tiểu học Nhân Thành**
- Tên trước đây (nếu có): Trường cấp 1 Nhân Thành
- Cơ quan chủ quản: UBND xã Yên Thành**

Tỉnh	Nghệ An	Họ và tên hiệu trưởng	Trần Thị Đa
Xã	Yên Thành	Điện thoại	0973.645.103
Đạt chuẩn quốc gia	Mức 2	Fax	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1987	Website	https://thnhanthanh.gdyenthanh.edu.vn
Công lập	X	Số điểm trường	1
Tư thục	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0

4. Sứ mạng:

*Xây dựng nhà trường chuẩn mực, có chất lượng giáo dục và toàn diện. Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt.

*Tầm nhìn:

Trường Tiểu học Nhân Thành hướng đến mục tiêu xây dựng ngôi trường Hạnh phúc với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, ứng dụng công nghệ số theo định hướng “Đổi mới - thân thiện và an toàn” để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục và hội nhập được Cha mẹ học sinh, học sinh tin cậy. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người có phần chất đạo đức tốt, năng nổ, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống

có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên. Giữ vững trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, KĐCL cấp độ 3.

*** Hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường:**

- **Tinh thần đoàn kết:** Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- **Tinh thần trách nhiệm:** Nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- **Tính trung thực:** Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sự hợp tác:** Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và Cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong xã và trong huyện.

- **Lòng nhân ái:** Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

- **Chủ động:** Nêu cao tinh thần tự giác, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- **Sáng tạo:** Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

*** Mục tiêu:**

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

c. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường.

- Năm học 2025 - 2026 nhà trường thực hiện chương trình GDPT 2018 cho tất cả các khối lớp.

- Những đổi mới về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học ở giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục tiểu học:

Mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Trong đó:

Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; năng lực số chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Chương trình giáo dục của trường giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh, trong đó Giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kỹ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: Học lý thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Nhà trường có sứ mệnh phát triển nhân cách cho mỗi học sinh và phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thường xuyên thay đổi; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

- Phương pháp dạy học và đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh và những thay đổi từ phía người học, nhu cầu của học sinh, cha mẹ các em, nhu cầu của cộng đồng, xã hội.

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của học sinh trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Việc đánh giá thường xuyên do Giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của Giáo viên, của cha mẹ học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác.

Việc đánh giá định kì do nhà trường tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phương thức đánh giá bảo đảm độ tin cậy, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế tổn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình học sinh và xã hội.

Từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại học sinh và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Tháng 7 năm 2025 sau khi chính quyền 2 cấp đi vào hoạt động, trường tiểu học Nhân Thành thuộc xã Yên Thành tỉnh Nghệ An. Xã Yên Thành được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị hành chính: Thị trấn Hoa Thành, xã Đông Thành, xã Tăng Thành và xã Văn Thành. Sau sáp nhập, xã Yên Thành có tổng diện tích tự nhiên 38,13 km², quy mô dân số 47.780 người, với 92 chi bộ trực thuộc và 2.622 đảng viên, là một trong những xã có quy mô dân số lớn nhất huyện Yên Thành (cũ). Vị trí địa lý của xã Yên Thành rất thuận lợi: Phía Đông giáp xã Quảng Châu và xã Minh Châu; phía Nam giáp xã Quan Thành, xã Hợp Minh và xã Minh Châu; phía Tây giáp xã Quang Đông; phía Bắc giáp xã Giai Lạc và xã Đông Thành. Trên địa bàn xã có nhiều tuyến giao thông huyết mạch đi qua như Quốc lộ 7B, Quốc lộ 48E, Tỉnh lộ 538E, 537, cùng hệ thống đường liên xã, liên thôn được đầu tư

đồng bộ, có tính kết nối cao. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội, thu hút đầu tư và nâng cao đời sống Nhân dân. Học sinh Nhân Thành được phân bố ở 9 xóm: Xuân Thọ, Nhân Tiến, Nam Giang, Trung Thuận, Đông Yên, Trung Hồng, Văn Hội, Văn Tây, Phú Điền.

Chính quyền địa phương, các tổ chức ban ngành, đoàn thể và CMHS rất quan tâm, đồng thuận, hưởng ứng và hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Luôn giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

Trình độ dân trí của xã nhà tương đối đồng đều, khoảng 90% trình độ văn hóa 12/12, là 1 xã có truyền thống hiếu học. Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế và xã hội, giáo dục và đào tạo xã Yên Thành cũng có những bước tiến vượt bậc. Công tác huy động tài trợ luôn được cha mẹ học sinh quan tâm và đồng thuận và nhất trí cao.

Trải qua 36 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã không ngừng lớn mạnh, góp phần đào tạo nên nhiều thế hệ con em Nhân Thành trở thành những công dân thực sự xứng đáng với truyền thống quê hương. Quê hương Nhân Thành được mệnh danh là cội nguồn của những người con hiếu học, mảnh đất địa linh nhân kiệt. Dù trong thời chiến hay thời bình, con người Nhân Thành cũng không ngừng vươn lên học giỏi. Từ mái trường này, nhiều người con của quê hương đã tiếp tục học lên trở thành kỹ sư, bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ. Có người trở thành Anh hùng lực lượng vũ trang và Doanh nhân nổi tiếng như Anh hùng Phan Văn Quý. Và hôm nay, họ đang góp phần xây dựng quê hương đất nước. Có nhiều người trong số đó đã và đang giữ những trọng trách trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, quân đội hoặc trở về giảng dạy ngay tại mái trường này.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Trần Thị Đa – Chức vụ: Hiệu trưởng. Số ĐT: 0973645103;

Email: Tranlyda.yt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường được thành lập từ tháng 8 năm 1987 với tên gọi trường Cấp 1 Nhân Thành. Năm 1998 do số lớp vượt quá quy định nên trường được tách ra thành 2 trường: Trường tiểu học số 1 và trường tiểu học số 2 Nhân Thành. Năm 2006, trường được sát nhập lại thành trường tiểu học Nhân Thành.

b, Quyết định điều động, phó hiệu trưởng, bổ nhiệm lại hiệu trưởng:

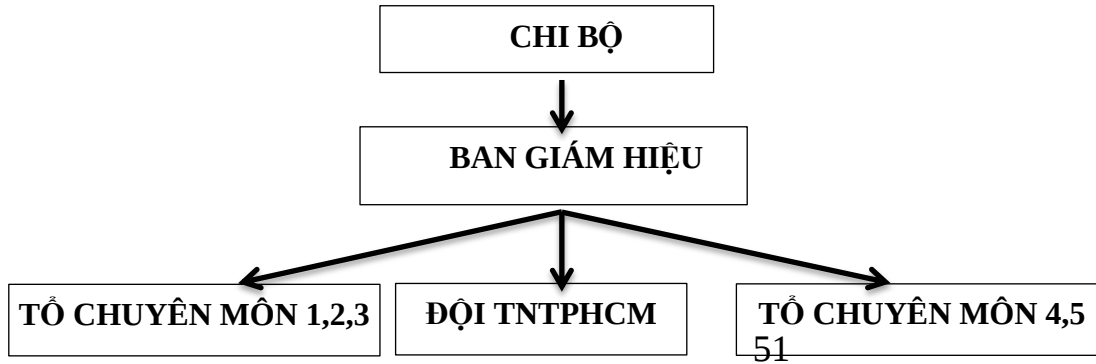
+ Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng số: 1037/QĐ-UBND Yên Thành ngày 19/9/2025

+ Quyết định điều động Phó Hiệu trưởng số: 4947/QĐ-UBND Yên Thành ngày 23/6/2025.

c, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

Cơ cấu bộ máy của nhà trường như sau:



01 Hiệu trưởng; và 01 phó Hiệu trưởng; 02 tổ chuyên môn: Tổ 1,2,3 và tổ 4,5. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

Nhân viên có 02 đ/c;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

** Tình hình đội ngũ Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên.*

Đội ngũ Cán bộ QL&GV đảm bảo đủ số lượng theo yêu cầu của Điều lệ trường Tiểu học. Đội ngũ CBQL của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý điều hành, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, tạo được uy tín trong nhân dân.

TT	Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV			Trình độ LLCT		
					Chưa đạt	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt	Khá	Tốt	SC	TC	CC
1	Hiệu trưởng	1	1			1				1		1	
2	Phó hiệu trưởng	1	1			1				1		1	
3	Giáo viên	35	32			34	1		18	19	18		
4	Nhân viên	2	2			2					1		
	Cộng	39	36	0	0	38	1	0	18	21	19	2	0
5	Cán bộ quản lý cốt cán	2	2			1				2		2	
6	Giáo viên cốt cán	3	3			3				3	3		

7	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện(Cũ)	14	13			14				14	14		
8	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	4	4							4	4		

* *Đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên cuối năm.*

Đội ngũ Cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tạo được uy tín

trong nhân dân. 100% CBGV, NV đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

- Số lượng đảng viên 21 đ/c chiếm tỷ lệ 63,6%. Trong đó: trình độ lý luận chính trị Trung cấp 02 đ/c. Hàng năm 100% số đảng viên của chi bộ được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xếp loại viên chức theo ND 90: Có 9 đồng chí đạt HTXSNV; HTTNV: 28đ/c; HTNV: 2

- Danh hiệu thi đua: LĐTT: 36 đ/c, CSTĐ: 6 đ/c,); Bằng khen chủ tịch UBND tỉnh: 01 đ/c; 03 Giấy khen huyện. 02 Nhà giáo ưu tú(Trần Thị Đa và Đặng Thị Mai Huy). 02 đồng chí đề nghị Thủ Tướng tặng Bằng khen.

* *Đánh giá chung về tập thể:*

- Chi bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu

- Trường đạt tập thể LĐ xuất sắc, khen;

- Trường giữ vững chuẩn QGMĐ 2; KĐCL cấp độ 3.

- Liên đội đạt vững mạnh xuất sắc tiêu biểu.

**Chất lượng giáo dục:*

Học sinh:

TOÀN TRƯỜNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ					GHI CHÚ
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	
➤ Số lớp	25	5	5	5	5	5	
➤ Số học sinh	908	172	182	194	175	185	
Tỉ lệ HS/lớp	36,3	34,2	36,2	38,4	35,2	36,6	
Trong đó: - Nữ	451	91	88	92	87	93	
+ Học 2 buổi/ngày	908	172	182	194	175	185	

- Khuyết tật	10	4	1		2	3	
- Hộ nghèo	8	1	1	3	1	2	
- Lưu ban	0	0					
- Bán trú	649	132	148	149	125	95	
Tuyển mới	172	172					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Đối chiếu với thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 2	Số phòng đã có	Đạt/chưa đạt	Chú thích
1	Khối phòng học tập		27		
1.1	Phòng học	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	24	Đạt tốt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m ² /phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m ² /học sinh	1	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m ² /học sinh	1	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.4	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m ² /học sinh	1	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng
1.5	Không có				
1.6	Phòng đa chức năng	1,50m ² /học sinh	1	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m ² /phòng
2	Khối phòng hỗ trợ học tập		5		
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	1	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m ² /phòng	1	Đạt	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m ² /phòng	1	Đạt	Kết hợp phòng KT
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m ² /học sinh	1	Đạt	
2.5	Phòng truyền thống	48m ² /phòng	1	Đạt	
3	Khối phụ trợ		6		
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1	Đạt	
3.2	Phòng Y tế trường học	24m ² /phòng	1	Đạt	

3.3	Nhà kho	48m ² /kho	1	Đạt	
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	1	Đạt	Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m ² /học sinh	2	Đạt	
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	12m ² /phòng	0	Đạt	
3.7	Phòng giáo viên	4m ² /giáo viên	0		
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1,50m ² /học sinh		Đạt	
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m ² /học sinh	01	Đạt	
4.3	Nhà đa năng	450m ² /nhà sàn tập 12x24m	01	Đạt	
5	Khối phục vụ sinh hoạt		3		
5.1	Nhà bếp	0,30m ² /học sinh	1	Đạt	
5.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	1	Đạt	
5.3	Nhà ăn	0,65m ² /chỗ	2	Đạt	Đạt
6	Khối phòng hành chính quản trị.		3		
6.1	Phòng Hiệu Trưởng		1	Đạt	
6.2	Phòng PHT		1	Đạt	
6.3	Văn phòng		1	Đạt	Phòng hội trường
6.4	Phòng Bảo vệ		1	Đạt	
Tổng			45	Đạt	

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có sân chơi, sân tập TDTT đảm bảo theo quy định.

- Hạ tầng kỹ thuật: Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng Công nghệ thông tin,... đảm bảo theo quy định.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học Nhân Thành đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng 10 kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Tiểu học Nhân Thành đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, đã được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2021, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện. Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự

đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây Công tác kiểm định chất lượng được nhà trường quan tâm. Hàng năm nhà trường đều tổ chức rà soát đánh giá lại, bổ sung kế hoạch cải tiến chất lượng để đảm bảo thực hiện tốt công tác dạy học.

Trường Tiểu học Nhân Thành đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá. Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan. Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường. Kết quả của quá trình tự đánh giá: Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Kết quả:

Trường đang giữ vững chất lượng trường chuẩn QGMĐ 2-KĐCL cấp độ 3.

Tuy nhiên cần bổ sung:

Phòng học hiện nay thiếu nên đã lấy đi phòng Khoa học – CN, Phòng Tiếng Anh.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

- Công tác huy động số lượng và PCGDTH ĐĐT. Phụ lục 1.2.

Thực trạng nhà trường năm học 2025-2026

1. Kết quả học tập và rèn luyện theo quy định của học sinh năm học 2024 -2025 và KSCL chất lượng đầu năm học 2025-2026)

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC KSCL khối 5
----	---------	------------	------------	------------	------------	------------	-------------------------------

1	Tổng số HS/số lớp		182/5		192/5		177/5		183/5		136/4		
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế												
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế												
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế												
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế												
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên												
7	Điểm TBC các môn												
8	Điểm TBC môn Toán				7.8		6.8		7.2		7.1		
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt				7.2		6.8		6.8		6.5		
10	Điểm TBC môn Khoa học												
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lí												
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh						7.3		5.1		6.5		
13	Điểm TBC môn Tin học												
	Cuối năm học 2024-2025(1hs hòa nhập)		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
14	Đạo đức	HTT	109	59.89	124	64.58	119	67.23	126	68.85	77	56.62	
		HT	72	39.56	68	35.42	57	32.2	55	30.05	58	42.65	
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Tự nhiên xã hội	HTT	107	58.79	129	67.19	120	67.8					
		HT	74	40.66	63	32.81	57	32.2					
		CHT											
16	Âm nhạc	HTT	108	59.34	127	66.15	116	65.54	114	62.3	83	61.03	
		HT	73	40.11	65	33.85	61	34.46	67	36.61	52	38.24	
		CHT											
17	Mỹ thuật	HTT	108	59.34	121	63.02	117	66.1	121	66.12	80	58.82	
		HT	73	40.11	71	36.98	60	33.	60	32.79	55	40.44	

[illegible]

Trong đó:

- Đánh giá HS (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học).

[illegible]

2	HTCTLH										
	Hoàn thành	182	100	192	100	177	100	183	100	136	100
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khen thưởng										
	- Giấy khen cấp trường	104	57.14	113	58.85	98	55.37	105	57.38	72	52.94
	- Giấy khen cấp trên:										
	+ Cấp huyện									9	6.62
	+ Cấp Tỉnh										
	+ Cấp khác										

PHỤ LỤC 2

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2025 – 2026 (Cam kết đầu ra)

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC KSCL khối 5
1	Tổng số HS/số lớp	172/5	182/5	194/5	175/5	185/5	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế			3	5	15	
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế						
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế						
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế						
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên						
7	Điểm TBC các môn		7.7	7.9	7.2	7.2	7.2
8	Điểm TBC môn Toán		7.9	8.0	7.8	7.5	7.5
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt		7.4	7.7	7.4	7.0	7.0
10	Điểm TBC môn Khoa học						
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý						
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh			7.9	6.4	7.0	7.0

13	Điểm TBC môn Tin học						7.5		7.5		7.5		
			Số lượng g	Tỷ lệ (%)	Số lượng g	Tỷ lệ (%)	Số lượng g	Tỷ lệ (%)	Số lượng g	Tỷ lệ (%)	Số lượng g	Tỷ lệ (%)	
14	Đạo đức	HTT	104	60.47	118	64.84	132	68.04	119	68.0	106	57.30	
		HT	68	39.53	64	35.16	62	31.96	56	32.0	79	42.70	
		CHT											
15	Tự nhiên xã hội	HTT	102	59.30	124	68.13	132	68.04	0	0.0	0	0.00	
		HT	70	40.70	58	31.87	62	31.96	0	0.0	0	0.00	
		CHT	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.0	0	0.00	
16	Âm nhạc	HTT	104	60.47	121	66.48	127	65.46	109	62.3	114	61.62	
		HT	68	39.53	61	33.52	68	35.05	66	37.7	71	38.38	
		CHT	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.0	0	0.00	
17	Mỹ Thuật	HTT	103	59.88	115	63.19	128	65.98	116	66.3	111	60.00	
		HT	69	40.12	67	36.81	66	34.02	59	33.7	74	40.00	
		CHT	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.0	0	0.00	
18	GDTC	HTT	104	60.47	118	64.84	138	71.13	125	71.4	119	64.32	
		HT	68	39.53	64	35.16	56	28.87	50	28.6	66	35.68	
		CHT	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.0	0	0.00	
19	Hoạt động TN	HTT	105	61.05	115	63.19	133	68.56	114	65.2	120	64.86	
		HT	67	38.95	65	35.71	61	31.44	61	34.9	65	35.14	
		CHT					0	0.00	0	0.0		0.00	
20	Công nghệ	HTT					112	57.73	107	61.1	108	58.38	
		HT					82	42.27	68	38.9	77	41.62	
		CHT					0	0.00	0	0.0	0	0.00	
21	Tin học	HTT					110	56.70	105	60.1	105	56.76	
		HT					84	43.30	68	38.8	80	43.24	
		CHT											

Trong đó:

- Đánh giá HS (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học).

T T	Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	Tổng số HS	172		182		194		175		185	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kết quả XL GD										
	HTXS	50	29	52	25.5	55	28.3	48	27.4	53	28.6
	Hoàn thành tốt	103	60	109	59.8	116	59.7	105	60	93	50.2
	Hoàn thành	67	38.8	73	40.2	78	40.3	70	40	92	49.8
	Chưa HT	2	1.2								
2	HTCTLH										
	Hoàn thành	170	98.8	182	100	194	100	175	100	185	100
	Chưa hoàn thành	2	1.2								
3	Khen thưởng										
	- Giấy khen cấp trường	95	55.23	116	63.74	114	58.76	96	54.86	93	50.27
	- Giấy khen cấp trên:										
	+ Cấp xã	11	6.4	14	7.69			10	5.71	16	17.20
	+ Cấp Tỉnh	3	3.13	5	4.31	1	0.52	5	5.21	5	2.7
	+ Cấp khác					2	1.75				

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH. Phụ lục 1.3.

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Ghi chú
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	7.572	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		
III	Thu khoa học và công nghệ		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	7572	
I	Chi lương, thu nhập	6.738	
1	Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	6.738	
2	Chi thu nhập khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	495	
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	495	
III	Chi hỗ trợ người học	51	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	51	
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
1	Tiền thưởng	218	
2	Thiết bị dạy học	70	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		
D	SỐ DƯ CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH		
1	Quỹ khen thưởng		
2	Quỹ phúc lợi		
3	Quỹ bổ sung thu nhập		
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	BHYT	Đồng/học sinh/tháng	52.650 đ/tháng	NĐ số 188/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 - CV số 248/LN-BHXX-GD&ĐT ngày 26/08/2025 hướng dẫn liên ngành giữa BHXX Tỉnh và SGDĐT Nghệ An
2	Trông giữ xe	Đồng/học sinh/tháng	12.000đ/tháng	Căn cứ vào quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định trông giữ xe trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.
3	Tiền ăn bán trú	HS/ngày	17.000đ/HS/ngày	Thực hiện theo Công văn số 2566/SGDĐT-KHTC ngày của Sở Giáo dục & Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu chi đầu năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4	Tiền cô nuôi bán trú	HS/tháng	130.000đ/tháng	
5	Tiền đồ dùng	HS/năm học	Tuyển mới 250.000đ/năm học Bổ sung 120.000đ/năm học	
6	Nước	HS/năm học	63.000đ/năm học	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

5.1 Công khai công tác thu chi vận động tài trợ năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Số tiền		Tồn
		Thu	Chi	
A	Phần thu vận động tài trợ 2024-2025	312.800.000		
	Phần thu vận động tài trợ 2023-2024	4.178.000		

B	Phân chi (Có giấy chuyển tiền thanh toán kèm theo)		312.803.000	
1	Lắp đặt sửa chữa Cửa sổ lớp 1		72.003.000	
2	Lắp đặt sửa chữa Cửa sổ lớp 2,3		92.184.000	
3	Bàn ghế học sinh(36 bộ)		57.600.000	
4	Bảng chống lóa (1 cái)		4.900.000	
5	Bảng biểu lớp học		5.202.000	
6	Làm hồ rác		16.561.000	
7	Sửa chữa nhỏ: sửa điện, lau chùi ,sửa quạt trần, sửa nền nhà....		18.255.000	
8	Hàn Mái tôn nối dẫy nhà 3 tầng ,nhà vệ sinh và dẫy nhà 2 tầng		46.098.000	
Cân đối:		316.978.000	312.803.000	4.175.000
Dư 4.175.000 trong đó có 2.715.000 trên TK tiền gửi nhà trường ; 1.460.000 tiền mặt tại quỹ.				

5.2 Công khai nguồn thu năm 2025

STT	Nguồn thực hiện	Dự toán chi	Ghi chú
1	Nguồn ngân sách chi thường xuyên	8.680.417.000	Chi lương, phụ cấp lương, BH,KPCĐ, các khoản chi khác....
2	Nguồn ngân sách chi không thường xuyên	430.000.000	Tiền thưởng NĐ 73
		58.938.000	Chính sách hỗ trợ HS Nghèo, HS Khuyết tật

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

- + Nhà trường đã chỉ đạo thành công thực hiện CTGDPT 2018.
- + Chương trình dạy học kết thúc đúng quy định.
- + Học sinh tích cực tham gia các cuộc thi và sân chơi trí tuệ: Toán tuổi thơ; Hội khỏe phù đổng từ cấp trường đến cấp huyện; cuộc thi tin học trẻ đạt giải nhì cấp huyện.
- + Các sân chơi trí tuệ được các em tham gia rất cao như: Toán quốc Tế TIMO; TOEFL Prymary; Đấu trường toán học; Trạng nguyên TV; Tiếng Anh trên Internet...

Ngoài ra nhà trường đã tổ chức cho HS tham gia các hoạt động giao lưu: Rung chuông vàng, ... được các em tích cực hưởng ứng và đạt kết quả tốt.

Việc chăm lo đến việc đổi mới PPDH, tham gia các kì thi GVCN giỏi từ cấp trường đến cấp huyện được nhà trường quan tâm chỉ đạo, GV tham gia tích cực và đạt kết quả cao.

* Hoạt động Đội TNTPHCM:

Tổ chức kết nạp đội Viên cho HS khối 3;

Tham gia múa hát sân trường chào mừng các ngày lễ lớn;

Thể dục, múa hát sân trường đọc sách được duy trì thành nề nếp tốt.

Cảnh quan môi trường Xanh sạch đẹp thường xuyên được đội TNTPHCM bám sát theo dõi thi đua.

* Công tác bán trú: Là năm thứ 5 thực hiện có 649 em tham gia tăng so với năm học trước 100 em; Nhà trường đảm bảo về khẩu phần dinh dưỡng, công tác vệ sinh ATTP, linh hoạt chế biến, thay đổi các món ăn hàng ngày, chăm sóc quản lý tốt về giấc ngủ trưa. Ngoài ra nhà trường chú trọng khâu rèn kỹ năng sống văn minh lịch sự trong khi ăn uống. Rửa tay vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn. Vì vậy kết thúc năm học không có trường hợp nào xấu xảy ra.

* Về tham mưu xây dựng CSVC: Nhà trường đã tích cực vận động nguồn ngân sách cấp trên, các nhà hảo tâm, tham mưu về LĐ địa phương cho phép vận động tài trợ: Xây mới bếp ăn bán trú hoàn thành sớm, bổ sung bàn ghế đạt chuẩn, làm mái che sân trường cho HS, Nối mạng internet, lắp camera... đảm bảo tốt cho việc học tập.

* Chăm lo đến HS có hoàn cảnh khó khăn: Nhà trường đã kêu gọi các mạnh thường quân ủng hộ cho các em có hoàn cảnh khó khăn dịp lễ tết bằng các món quà nhỏ động viên các em vươn lên học giỏi. Không có em nào bỏ lại phía sau.

Trên đây là báo cáo công khai của trường tiểu học Nhân Thành, rất mong nhận được sự góp ý của quý vị.

Trân trọng!

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Đa

